TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIANG THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2017/QĐST-HNGĐ	*Giang Thành, ngày 17 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 39/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Phạm Văn X, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp E, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc T tình ly hôn và thoả T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự T tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Phạm Văn X.

2. Công nhận sự thoả T của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Phạm Văn X thuận tình ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh X, cụ thể như sau:

Giao cháu Phạm Kim Y, giới tính nữ, sinh ngày 10/7/2014 cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự thỏa T của chị T và anh X, anh X không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T được đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị T và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị T nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nên được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004561, ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Phước Lộc